

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 22/6/2020

V/v tranh chấp: “*Ly hôn và chia tài sản  
chung trong thời kỳ hôn nhân*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyên

Các Thẩm phán: 1/ Bà Trần Thị Kim Em

2/ Ông Nguyễn Thanh Triều

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Liên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 15, 22 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 24/2020/TLPT-HNGĐ ngày 17/02/2020 về việc tranh chấp: “*Ly hôn và chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 515/2019/HN-ST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Nguyễn Văn H, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp LPA, xã LHL, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho anh Hùng: Bà Nguyễn Thị Ngọc G – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Tiền Giang.

*Bị đơn:* Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp BP, xã TB, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

*Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;*

1. Nguyễn Thúy H, sinh năm 1988 (vắng mặt).

2. Nguyễn Thị H, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp BP, xã TB, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

3. Nguyễn Văn N – sinh năm: 1970 ( có mặt)

Địa chỉ: Ấp TXA, xã TB, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

4. Ngân hàng Thương mại cổ phần SG chi nhánh Tiền Giang.

Địa chỉ: 134-136 ĐBL, Phường N, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang,

Đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Quang D - Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Tiền Giang (vắng mặt).

5. Ngân hàng Chính sách xã hội huyện CG.

Địa chỉ: Ô4, khu M, thị trấn CG, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Từ Minh H - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện CG (vắng mặt)

*Người kháng cáo:* Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H.

Do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

### ***Theo án sơ thẩm:***

*Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:* Anh và chị N sống chung năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên anh yêu cầu ly hôn với chị N.

- Về con chung: Có 01 cháu tên Nguyễn Anh Th, sinh ngày 12/3/2008 hiện đang sống với chị N. Ly hôn anh đồng ý để cháu Th sống với chị N và cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Anh yêu cầu chia đôi tài sản chung gồm: Tiền trang trí ngôi nhà trên là đóng la phong, gạch dán tường và gạch dán cột; 01 ngôi nhà sau; 03 dãy chuồng heo; 01 hầm biogas xi măng; 01 xe mô tô hiệu Nouvo biển số 63B4-279.92; 01 xe mô tô hiệu Wave RSX biển số 63B4-291.58; 01 xe mô tô hiệu Vision biển số 63B462259; 145 gốc thanh long; 145 trụ trồng thanh long; nhà tiền chế; 01 tủ thờ Gò Công; 01 tủ lạnh hiệu Sanyo; 01 máy giặt hiệu Toshiba, 03 chỉ vàng 18k là bộ vòng ximen; 05 chỉ vàng 24k và số tiền 11.500.000 đồng trả cho anh Nguyễn Văn Ngh: hàng rào, cổng rào; 93 con heo thịt; 05 con heo nái; số tiền 200.000.000 đồng đầu tư việc kinh doanh mua bán thức ăn còn lại. Anh yêu cầu xin hưởng 01 chiếc xe Nouvo: 02 con heo nái và 01 tủ thờ.

- Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần SG - chi nhánh Tỉnh Tiền Giang số tiền 300.000.000 đồng. Anh yêu cầu chia đôi số tiền nợ này.

Đối với số tiền nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện CG, nợ chị Nguyễn Thúy H và chị Nguyễn Thị H thì anh không biết, không đồng ý trả theo yêu cầu của bà H và chị H.

- Về nợ riêng: Không có.

*Bị đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:*

- Về tình cảm: Chị đồng ý ly hôn với anh H.

- Về con chung: Có 01 cháu tên Nguyễn Anh Th, sinh ngày 12/3/2008 hiện đang sống với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng theo quy định pháp luật,

- Về tài sản chung, chị đồng ý chia đôi tài sản chung gồm: Tiền trang trí ngôi nhà trên đóng la phong và gạch dán tường, dán cột; 01 ngôi nhà sau; 03 dãy chuồng heo; 01 hầm biogas; 01 xe Nouvo biển số 63B4-279 92; 01 xe Wave RSX biển số 63134-291,58; 145 trụ thanh long; nhà tiền chế; 01 tủ thờ Gò Công; 01 tủ lạnh hiệu Sally0, 01 máy giặt hiệu Toshiba.

Đối với yêu cầu chia 93 con heo thịt mà anh H trình bày thì chị không đồng ý vì có bán 26 con, còn lại 60 con heo thì chưa có bán. Nếu anh H yêu cầu chia thì chị yêu cầu khấu trừ tiền thức ăn và tính tiền công chị chăn nuôi. Chị không đồng ý chia 145 gốc thanh long; 03 chỉ vàng 18k, 05 chỉ vàng 24k, Cùng với số tiền 11,500,000 đồng trả cho anh Nguyễn Văn Ngh, hàng rào, cổng rào, dây điện cùng bóng đèn xông thanh long, số tiền kinh doanh thức ăn 200.000.000 đồng.

Chị có làm đơn khởi kiện yêu cầu anh H trả lại cho chị 1/2 số tiền chị trả cho chị Nguyễn Thị H 190.000.000 đồng và trả Ngân hàng TMCP SG chi nhánh Tiền Giang từ tháng 9/2018 đến tháng 6/2019 là 76.908.000 đồng. Tổng cộng là 266.908.000 đồng, anh H hoàn trả lại cho chị số tiền 133.454.000 đồng.

- Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần SG - chi nhánh Tỉnh Tiền Giang số tiền 300.000.000 đồng; Nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện CG số tiền 12.000.000 đồng; Nợ chị Nguyễn Thúy H. Số tiền 68.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị H số tiền 20.000.000 đồng. Đây là số tiền chị vay để trang trải cho gia đình và làm nhà dưới. Ly hôn chị yêu cầu chia đôi số nợ này.

- Về nợ riêng: Nợ anh Nguyễn Văn Ngh số tiền 57.000.000 đồng. Ly hôn chị sẽ tự trả số tiền nợ này cho anh Ngh.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H trình bày:*  
Ngày 11/12/2018, anh H, chị N có mượn chị số tiền 20.000.000 đồng để sửa chữa ngôi nhà dưới, có làm biên nhận. Nay anh H, chị N ly hôn chị yêu cầu anh H, chị N trả số tiền 20.000.000 đồng, không tính lãi, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Do bận việc gia đình nên chị xin vắng mặt.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thúy H trình bày:*  
Ngày 05/5/2017, anh H, chị N có vay của chị số tiền 68.000.000 đồng để sửa

chữa ngôi nhà dưới. Nay anh H, chị N ly hôn, chị yêu cầu anh H, chị N trả số tiền 68.000.000 đồng, không tính lãi, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Ngh trình bày:* Vào năm 2018, chị Nh có vay của anh số tiền 40.000.000 đồng để trả tiền thức ăn cho đại lý và 17.000.000 đồng trả tiền mua vật liệu, xây hàng rào. Nay anh H, chị N ly hôn, anh không yêu cầu trả số tiền nợ trên, do bận việc gia đình nên anh xin vắng mặt.

- *Ngân hàng Thương mại cổ phần SG chi nhánh tỉnh Tiền Giang, đại diện theo pháp luật ông Lưu Quang D trình bày:* Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn H có vay của Ngân hàng số tiền 300.000.000 đồng, mục đích vay tiền là tiêu dùng. Dư nợ hiện tại đến tháng 3/2019 là 185.000.000 đồng. Ngân hàng nhận thấy phía ông H, bà N không có vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết nên Ngân hàng không yêu cầu giải quyết khoản tiền nợ trong vụ án ly hôn giữa ông H và bà N. Do bận việc nên Ngân hàng xin vắng mặt.

- *Ngân hàng chính sách xã hội huyện CG, đại diện theo pháp luật ông Từ Minh H trình bày:* Bà Nguyễn Thị N có vay của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện CG chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn còn dư nợ 12.000.000 đồng. Hiện tại phía ông H, bà N còn nợ Ngân hàng số tiền vốn 12.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 24/9/2019 là 20.712 đồng.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 515/2019/HN-ST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 33, Điều 38, Điều 55 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điểm d khoản 1 Điều 12 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn H.

[1] Về tình cảm: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị N.

[2] Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 12/3/2008 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi cháu Anh Th mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi cháu Th tròn 18 tuổi, lao động được. Thời gian cấp dưỡng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Xác định tài sản chung của anh H, chị N trong thời kỳ hôn nhân gồm: Số tiền chi phí trang trí ngôi nhà trên là đóng la phong, gạch dán tường và gạch dán cột là 16.412.240 đồng; 01 ngôi nhà sau trị giá 107.663.000 đồng; 01 nhà tiền chế trị giá 19.082.000 đồng; 03 dãy chuồng heo

trị giá 51.193.500 đồng; 01 hầm biogas xi măng trị giá 3.000.000 đồng; 01 xe Nouvo biển số 63B4-279.92 trị giá 23.800.000 đồng; 01 xe Wave RSX biển số 63B4-291.58 trị giá 15.300.000 đồng; 01 tủ thờ Gò Công trị giá 7.000.000 đồng; 01 tủ lạnh hiệu Sanyo giá 840.000 đồng; 01 máy giặt hiệu Toshiba 7,2kg trị giá 3.500.000 đồng; 145 trụ trồng thanh long trị giá 7.424.000 đồng; 23 con heo thịt trị giá 77.280.000 đồng; 05 con heo nái trị giá 26 250 000 đồng; 03 chỉ vàng 18k, số tiền kinh doanh còn lại 22.000.000 đồng; 60 con heo (theo biên bản định giá ngày 18/1/2019) trị giá 114.000.000 đồng và 145 gốc thanh long trị giá 60.900.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 555.644.740 đồng và 03 chỉ vàng 18k.

Do anh H được hưởng 1/3 giá trị 60 con heo và 1/3 giá trị 145 gốc thanh long nên anh H hưởng số tiền 248.672.370 đồng và 1,5 chỉ vàng 18k. Chị N được hưởng 1/3 giá trị 60 con heo và 1/3 giá trị 145 gốc thanh long nên chị N hưởng số tiền 306.972.370 đồng và 1,5 chỉ vàng 18k.

Chị N được tiếp tục sở hữu, quản lý và sử dụng các tài sản gồm: phần trang trí ngôi nhà trên đóng laphong, gạch dán tường và gạch dán cột; 01 ngôi nhà sau có diện tích 44m<sup>2</sup>, kết cấu móng cột bê tông cốt thép, vách tường, khung phụ, nền gạch ceramic, 01 vách tường không cột, đỡ mái thép hình, mái tole; 01 nhà tiền chế tích 113,585m<sup>2</sup>, kết cấu cột bê tông đúc sẵn, đỡ mái thép hình, mái tole, nền xi măng; 03 dãy chuồng heo diện tích 131,2m<sup>2</sup>, kết cấu nền xi măng, vách tường lửng, cột bê tông đúc sẵn, đỡ mái thép hình, mái tole; 01 hầm biogas mũ 10m<sup>3</sup>, xi măng 10m<sup>3</sup>; 01 xe Wave biển số 63B4-291.58; 01 tủ thờ Gò Công; 01 tủ lạnh hiệu Sanyo; 01 máy giặt hiệu Toshiba 7,2kg; 145 trụ trồng thanh long; 83 con heo thịt: 05 con heo nái và 145 gốc thanh long ruột đỏ loại B1.

Anh H được sở hữu, quản lý và sử dụng 01 chiếc xe Nouvo biển số 63B4 – 279.92 trị giá 23.800.000 đồng do chị N đứng tên giấy đăng ký xe nên chị N có trách nhiệm hoàn lại cho anh H số tiền 224.872.370 đồng và 1,5 chỉ vàng 18k.

Anh H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để cấp lại giấy đăng ký xe.

[4] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N đối với số tiền 20.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N yêu cầu anh Nguyễn Văn Hg trả 1/2 số tiền chị Nhàn trả cho chị Nguyễn Thị H và Ngân hàng TMCP SG.

Buộc anh H có trách nhiệm giao lại cho chị N số tiền là 118.454.000 đồng.

Khẩn trừ số tiền chị N giao anh H 224.872.370 đồng và số tiền anh H giao lại chị N 118.454.000 đồng nên chị N tiếp tục giao anh H số tiền 106.418.370 đồng và 1,5 chỉ vàng 18k.

[5] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H: Buộc chị Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền 20.000.000 đồng.

[6] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thúy H: Buộc chị Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả lại cho chị Nguyễn Thúy H số tiền 68.000.000 đồng.

[7] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ngân hàng chính sách xã hội huyện CG: Buộc chị Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền vốn 12.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 24/9/2019 là 20.712 đồng.

[8] Không chấp nhận yêu cầu chia đôi các tài sản chung của anh Nguyễn Văn H gồm: 05 chỉ vàng 24k và số tiền 11.500.000 đồng trả cho anh Nguyễn Văn Ngh; số tiền kinh doanh còn lại 200.000.000 đồng; dây điện và bóng đèn xông thanh long, hàng rào, cổng rào.

[9] Về chi phí định giá: Chị N có trách nhiệm hoàn lại cho anh H số tiền 1.500.000 đồng.

Ngoài ra án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/9/2019, anh Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 09/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo ban hành Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 09/10/2019.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo cũng như yêu cầu khởi kiện, chị N không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh H. Cả hai không thống nhất về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H phát biểu và đề nghị: việc chăn nuôi heo 60 con heo và chăm sóc 145 gốc thanh long là do bà N thực hiện, nhưng do ông H là thương binh và bị thương ở gót chân nên không thể làm công việc nặng, lúc bà N chăm sóc thanh long thì ông H làm công việc nhà, đưa rước con đi học. Chưa có chế định ly thân do đó tài sản có trong thời kỳ hôn nhân, nếu không chứng minh được tài sản riêng thì là tài sản chung của vợ chồng. Việc mua dây điện, bóng đèn, làm hàng rào, cổng rào xảy ra trong thời kỳ hôn nhân, bà N không chứng minh số tiền riêng của cá nhân bà để mua đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H về việc chia  $\frac{1}{2}$  giá trị 60 con heo, 145 gốc thanh long, dây điện, bóng đèn, làm hàng rào, cổng rào. Số tiền nợ của bà H và Ngân hàng là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân và việc trả tiền cũng được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân, bà N không có chứng cứ là bà đã lấy tiền của cá nhân bà trả số nợ trên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố trên của bà nhân. Đối với yêu cầu kháng cáo của ông H về chia  $\frac{1}{2}$  của 05 chỉ vàng 24k cùng với số tiền 11.500.000 đồng trả cho anh Nguyễn Văn Ngh và 200.000.000 đồng vốn kinh doanh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: đối với phần số 2, 5 kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo xét thấy không cần thiết, nên rút lại kháng nghị đối với phần trên. Đối với yêu cầu kháng cáo của ông H về chia  $\frac{1}{2}$  của 05 chỉ vàng 24k cùng với số tiền 11.500.000 đồng trả cho anh Nguyễn Văn Ngh và 200.000.000 đồng vốn kinh doanh còn lại không có cơ sở, đề nghị không chấp nhận. Ông H kháng cáo yêu cầu chia  $\frac{1}{2}$  giá trị của 145 gốc thanh long là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Việc mua dây điện, bóng đèn, làm hàng rào, cổng rào xảy ra trong thời kỳ hôn nhân, ông H trình bày tiền là từ tài sản chung của vợ chồng, bà N không chứng minh được việc sử dụng tài riêng của mình, nên yêu cầu kháng cáo của ông H là có căn cứ. Đối với yêu cầu kháng cáo không đồng ý trả số tiền nợ 118.454.000 đồng cho chị N, số tiền nợ trên trả trong thời kỳ ông H và bà N đang còn chung sống và bà N không chứng cứ chứng minh mình lấy tài sản riêng của cá nhân để trả nợ, yêu cầu kháng cáo của ông H là có căn cứ. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thúy H, đại diện Ngân hàng TMCP SG chi nhánh Tiền Giang và đại diện Ngân hàng chính sách xã hội huyện CG có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H, chị Thúy H, ông D và ông H đúng theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với chị Nguyễn Thị Nh. Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp xin ly hôn, chia tài sản chung đúng theo quy định tại các Điều 33, Điều 38, Điều 55 và Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn anh Nguyễn Văn H với chị Nguyễn Thị N là đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn H đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung Quyết định kháng nghị: Quyết định kháng nghị ban hành đúng quy định tại Điều 278, 279 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về nội dung yêu cầu kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm ông H kháng cáo yêu cầu chia  $\frac{1}{2}$  giá trị của 145 gốc thanh long trị giá là 60.900.000 đồng, không đồng ý trả số tiền nợ 118.454.000 đồng cho chị N, chia  $\frac{1}{2}$  05 chỉ vàng 24k và số tiền 11.500.000 đồng trả cho anh Nguyễn Văn Ngh; số tiền kinh doanh còn lại 200.000.000 đồng; chia  $\frac{1}{2}$  giá trị dây điện và bóng đèn xông thanh long, hàng rào, cổng rào.

[6.1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông H: Về yêu cầu chia  $\frac{1}{2}$  giá trị của 145 gốc thanh long trị giá là 60.900.000 đồng, tại phiên tòa phúc thẩm ông H và bà N trình bày thống nhất 145 gốc thanh long trị giá 60.900.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, bà N cho rằng ông H không có công chăm sóc gì đối với số thanh long trên mà chỉ do một mình bà chăm sóc nên án sơ thẩm chia cho ông H  $\frac{1}{3}$ , bà  $\frac{2}{3}$  giá trị 145 gốc là phù hợp bà không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông H. Ông H trình bày do ông là thương binh nên ông không lao động nặng được, nhưng khi bà N chăm sóc thanh long thì ông ở nhà lo cơm nước và đưa rước con cái đi học, bà N thừa nhận ông H không chăm sóc thanh long nhưng có đưa rước con đi học. Nguyên tắc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân mỗi người hưởng  $\frac{1}{2}$  có xem xét đến công sức đóng góp, đối với việc chăm sóc thanh long giữa ông H và bà N trình bày thống nhất là do bà N trực tiếp chăm sóc, tuy nhiên thời gian bà N chăm sóc thanh long thì ông H cũng làm công việc nhà, đưa đón con đi học. Công việc trong gia đình đều được phân công ngang nhau, người làm việc này thì người làm việc khác, không phân chia ai có công nhiều hơn ai, tài sản tạo lập ra thì mỗi người được hưởng ngang bằng nhau. Do đó yêu cầu kháng cáo của ông H yêu cầu chia  $\frac{1}{2}$  trị giá 145 gốc thanh long là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6.2] Đối với dây điện và bóng đèn xông thanh long, hàng rào, cổng rào, ông H yêu cầu chia đôi. Tại phiên tòa phúc thẩm bà N trình bày số tiền bà mua dây điện, bóng đèn, làm hàng rào, cổng rào là bằng tiền của cá nhân bà, nhưng bà không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh là nguồn tiền của cá nhân bà là từ đâu. Việc mua dây điện, bóng đèn, làm hàng rào, cổng rào xảy ra trong thời kỳ hôn nhân, ông H trình bày tiền là từ tài sản chung của vợ chồng. Do đó ông H yêu cầu chia đôi đối với tài sản trên là có căn cứ, hàng rào trị giá 20.740.000 đồng, cổng rào trị giá 14.450.000 đồng; dây điện xông thanh long trị giá 696.000 đồng; bóng đèn xông thanh long trị giá 600.000 đồng, tổng cộng 36.486.000 đồng, ông Hùng được hưởng 18.243.000 đồng.

[6.3] Đối với yêu cầu kháng cáo không đồng ý trả số tiền nợ 118.454.000 đồng cho bà N. Hội đồng xét xử thấy rằng ông H, bà Nhãn thừa nhận là có vay tiền của chị H 190.000.000 đồng và Ngân hàng TMCP SG chi nhánh tỉnh Tiền Giang 300.000.000 đồng. Anh H không đồng ý trả theo yêu cầu của chị Nhãn vì anh cho rằng chị N trả tiền chị H và Ngân hàng trong thời kỳ hôn nhân là từ tài sản của vợ chồng. Xét thấy, mục đích vay tiền của anh H, chị N là để kinh doanh thức ăn và trang trải chi phí trong gia đình nên xác định đây là nợ chung của anh H, chị N. Chị N cho rằng chị trả bằng tiền của cá nhân chị, không được anh H thừa nhận. Theo chị H trình bày vợ chồng anh H cùng trả tiền cho chị trả làm



nhiều lần, lần cuối cùng trả 40.000.000 đồng là vào tháng 10 năm 2018, tiền nợ ngân hàng trả kỳ sau là tháng 06/2019 việc trả tiền là trong thời kỳ hôn nhân giữa ông H và bà N, lúc này giữa ông H và bà N vẫn còn đang chung sống vợ chồng, bà N cũng thừa nhận việc trả tiền cho bà H và ngân hàng như là trình bày của bà H là đúng. Bà N không có chứng cứ nào để chứng minh nguồn tiền của cá nhân bà dùng để trả các khoản nợ trên. Số tiền trên vay về dùng để trồng cây, chăn nuôi, hiện nay số thanh long và heo bà N trực tiếp quản lý sử dụng, thu thập từ tài sản trên cũng là của vợ chồng. Do đó việc tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H phải trả lại cho bà N số tiền 118.454.000 đồng là chưa có căn cứ, yêu cầu kháng cáo của ông H là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6.4] Đối với số tiền kinh doanh còn lại anh H trình bày là 200.000.000 đồng, chị N trình bày hiện nay chỉ còn 22.000.000 đồng, anh H không có gì chứng minh nên yêu cầu chia đôi số tiền 200.000.000 đồng của anh H là không có cơ sở. Án sơ thẩm xác định số tiền kinh doanh còn lại của anh H, chị N là 22.000.000 đồng nên chấp nhận một phần yêu cầu của anh H, chia đôi số tiền 22.000.000 đồng, anh H, chị N mỗi người được hưởng 11.000.000 đồng là có căn cứ. Do đó yêu cầu kháng cáo trên của ông H không có căn cứ không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6.5] Đối với 05 chỉ vàng 24k cùng với số tiền 11.500.000 đồng trả cho anh Nguyễn Văn Ngh. Anh H trình bày đây là nợ riêng của chị N nhưng số tiền và vàng là tài sản chung của vợ chồng, anh đưa tiền và vàng cho chị N trả anh Ngh. Chị N không thừa nhận, anh Hùng không có gì chứng minh nên yêu cầu chia đôi 05 chỉ vàng 24k và số tiền 11.500.000 đồng của anh H là không có cơ sở. Ông H kháng cáo nhưng không có tài liệu chứng cứ nào mới để chứng minh, nên yêu cầu kháng cáo trên không được hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Từ những căn cứ phân tích Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm về chia  $\frac{1}{2}$  số tiền 145 gốc thanh long, chia  $\frac{1}{2}$  số tiền hàng rào, cổng rào, bóng đèn xong thanh long, không buộc ông H trả cho bà N số tiền 118.454.000 đồng.

[8] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo: tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát rút lại đối với phần số 2, 5 kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, các phần còn lại của kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 09/10/2019 đề nghị giữ nguyên. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát huyện Chợ Gạo có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Về án phí: do chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, nên ông H không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 33, Điều 38, Điều 55 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điểm d khoản 1 Điều 12 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H.
- Chấp nhận kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 09/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 515/2019/HN-ST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn H.

[1] Về tình cảm: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị N.

[2] Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh Th, sinh ngày 12/3/2008 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi cháu Anh Th mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi cháu Th tròn 18 tuổi, lao động được. Thời gian cấp dưỡng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Xác định tài sản chung của anh H, chị N trong thời kỳ hôn nhân gồm: Số tiền chi phí trang trí ngôi nhà trên là đóng la phong, gạch dán tường và gạch dán cột là 16.412.240 đồng; 01 ngôi nhà sau trị giá 107.663.000 đồng; 01 nhà tiền chế trị giá 19.082.000 đồng; 03 dãy chuồng heo trị giá 51.193.500 đồng; 01 hầm biogas xi măng trị giá 3.000.000 đồng; 01 xe Nouvo biển số 63B4-279.92 trị giá 23.800.000 đồng; 01 xe Wave RSX biển số 63B4-291.58 trị giá 15.300.000 đồng; 01 tủ thờ Gò Công trị giá 7.000.000 đồng; 01 tủ lạnh hiệu Sanyo giá 840.000 đồng; 01 máy giặt hiệu Toshiba 7,2kg trị giá 3.500.000 đồng; 145 trụ trồng thanh long trị giá 7.424.000 đồng; 23 con heo thịt trị giá 77.280.000 đồng; 05 con heo nái trị giá 26 250 000 đồng; 03 chỉ vàng 18k, số tiền kinh doanh còn lại 22.000.000 đồng; 60 con heo (theo biên bản định giá ngày 18/1/2019) trị giá 114.000.000 đồng và 145 gốc thanh long trị giá 60.900.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 555.644.740 đồng và 03 chỉ vàng 18k.

- Do anh H hưởng 1/3 giá trị 60 con heo nên anh H hưởng số tiền 38.000.000 đồng và 1,5 chỉ vàng 18k. Chị N được hưởng 2/3 giá trị 60 con heo 76.000.000 đồng và 1,5 chỉ vàng 18k.

- Anh H được hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị 145 gốc thanh long 60.900.000 đồng là 30.450.000 đồng.

- Chị N được hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị 145 gốc thanh long 60.900.000 đồng là 30.450.000 đồng.

- Anh H được hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị các tài sản còn lại sau khi trừ giá trị 60 con heo và giá trị 145 gốc thanh long là 190.372.370 đồng.

- Chị N được hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị các tài sản còn lại sau khi trừ giá trị 60 con heo và giá trị 145 gốc thanh long là 190.372.370 đồng.

- Tổng tài sản anh H được hưởng là 258.822.370 đồng và 1,5 chỉ vàng 18k.

- Tổng tài sản chị N được hưởng là 296.822.370 đồng và 1,5 chỉ vàng 18k.

Chị N được tiếp tục sở hữu, quản lý và sử dụng các tài sản gồm: phần trang trí ngôi nhà trên đóng laphong, gạch dán tường và gạch dán cột; 01 ngôi nhà sau có diện tích 44m<sup>2</sup>, kết cấu móng cột bê tông cốt thép, vách tường, khung phụ, nền gạch ceramic, 01 vách tường không cột, đỡ mái thép hình, mái tole; 01 nhà tiền chế tích 113,585m<sup>2</sup>, kết cấu cột bê tông đúc sẵn, đỡ mái thép hình, mái tole, nền xi măng; 03 dãy chuồng heo diện tích 131,2m<sup>2</sup>, kết cấu nền xi măng, vách tường lửng, cột bê tông đúc sẵn, đỡ mái thép hình, mái tole; 01 hầm biogas mũ 10m<sup>3</sup>, xi măng 10m<sup>3</sup>; 01 xe Wave biển số 63B4-291.58; 01 tủ thờ Gò Công; 01 tủ lạnh hiệu Sanyo; 01 máy giặt hiệu Toshiba 7,2kg; 145 trụ trồng thanh long; 83 con heo thịt: 05 con heo nái và 145 gốc thanh long ruột đỏ loại B1.

Anh H được sở hữu, quản lý và sử dụng 01 chiếc xe Nouvo biển số 63B4 – 279.92 trị giá 23.800.000 đồng do chị N đứng tên giấy đăng ký xe nên chị Nhàn có trách nhiệm hoàn lại cho anh H số tiền 235.022.370 đồng và 1,5 chỉ vàng 18k.

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, chị Nguyễn Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền 235.022.370 đồng theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để cấp lại giấy đăng ký xe.

[4] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N đối với số tiền 20.000.000 đồng.

[5] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N yêu cầu anh Nguyễn Văn H trả 1/2 số tiền chị Nhàn trả cho chị Nguyễn Thị H và Ngân hàng TMCP SG là 118.454.000 đồng.

[6] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H: Buộc chị Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền 20.000.000 đồng.

[7] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thúy H: Buộc chị Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả lại cho chị Nguyễn Thúy H số tiền 68.000.000 đồng.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thúy H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, chị Nguyễn Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ngân hàng chính sách xã hội huyện CG: Buộc chị Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền vốn 12.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 24/9/2019 là 20.712 đồng.

Kể từ ngày 24/9/2019 cho đến khi thi hành án xong, chị N phải tiếp tục chịu tiền lãi do chậm thanh toán phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số được ký kết giữa Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Tiền Giang và chị Nguyễn Thị N.

[9] Không chấp nhận yêu cầu chia đôi các tài sản chung của anh Nguyễn Văn H gồm: 05 chỉ vàng 24k và số tiền 11.500.000 đồng trả cho anh Nguyễn Văn Ngh; số tiền kinh doanh còn lại 200.000.000 đồng;

[10] Chấp nhận yêu cầu của anh H chia  $\frac{1}{2}$  giá trị dây điện và bóng đèn xông thanh long, hàng rào, cổng rào tổng cộng là 36.486.000 đồng, anh H được hưởng 18.243.000 đồng. Chị N giao lại cho anh H số tiền 18.243.000 đồng.

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, chị Nguyễn Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền 18.243.000 đồng theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[11] Về chi phí định giá: Chị N có trách nhiệm hoàn lại cho anh Hùng số tiền 1.500.000 đồng.

[12] Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí HNST, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng và 13.853.268 đồng án phí chia tài sản chung, 300.000 đồng án phí đối với phần tài sản yêu cầu chia không chấp nhận. Tổng cộng anh H phải nộp 14.753.268 đồng án phí sơ thẩm nhưng anh H thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm nên anh không phải nộp án phí.

Anh H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Chị Nguyễn Thị N phải chịu 14.841.118 đồng án phí sơ thẩm chia tài sản chung, 4.400.000 đồng án phí do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H và chị Thúy H, 601.000 đồng án phí do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách và 5.922.700 đồng án phí do không chấp nhận yêu cầu buộc anh H trả tiền. Tổng cộng chị N phải nộp 25.764.818 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.461.000 đồng theo biên lai số

0002697 ngày 19/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo nên chị phải nộp tiếp 22.303.818 đồng.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thúy H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.700.000 đồng theo biên lai số 0015937 ngày 17/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 đồng theo biên lai số 0015936 ngày 17/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

### **3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

Án tuyên vào lúc 8 giờ 30 phút ngày 22/6/2020 có mặt anh Hùng, chị Nhân, đại diện Viện kiểm sát.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND h Chợ Gạo;
- CCTHADS h Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Ngọc Tuyền**